

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-ST.

Ngày: 15-01-2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Hà.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Võ Thị Thanh Huệ.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Nhân, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 234/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1981 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị L: Ông Phạm Quốc H, sinh năm 1986 – Văn bản ủy quyền ngày 07-11-2023 – Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: TDP C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thu T (tên gọi khác: Huỳnh Thị T), sinh năm 1973 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã M, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

**NHẬN THẤY:**

**Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Do bà Huỳnh Thị Thu T (Huỳnh Thị T) có nhu cầu vay tiền nên ngày 26-12-2020 (âm lịch), tức ngày 07-02-2021 dương lịch, bà T đến gặp bà Trần Thị L để

vay số tiền 128.000.000 đồng, bà L đồng ý cho vay. Bà T hẹn trả tiền cho bà L vào ngày 10-02-2021 (âm lịch). Hai bên có lập 01 giấy mượn tiền, giấy do bà L ghi, bà T ký và ghi rõ họ tên. Lãi suất hai bên không thỏa thuận. Đến hạn, bà T không trả tiền, sau nhiều lần bà L yêu cầu, bà T vẫn chưa trả bất kỳ số tiền nào.

Tiền bà Trần Thị L cho vay là tiền riêng, không liên quan đến tiền của ai khác. Bà L cũng chỉ cho bà Huỳnh Thị Thu T vay, không liên quan đến ai khác và chỉ yêu cầu bà Huỳnh Thị Thu T trả nợ. Bà L không đề nghị Tòa án đưa thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng.

Về lãi suất: Theo yêu cầu khởi kiện, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả tiền lãi trên nợ gốc với mức 20%/năm tính từ ngày 10-02-2021 (âm lịch) đến ngày đưa vụ án ra xét xử. Quá trình giải quyết vụ án, bà L xin rút một phần yêu cầu về lãi suất, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà T trả lãi suất theo mức 10%/năm/128.000.000 đồng nợ gốc tính từ ngày 10-02-2021 (âm lịch) đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Đối với đề nghị giảm bớt tiền nợ gốc, không tính lãi và được trả dần của bà T, bà L không đồng ý.

#### **Bị đơn bà Huỳnh Thị Thu T (Huỳnh Thị T) trình bày:**

Chồng cũ của tôi (đã ly hôn) là ông Phạm Văn P, sinh năm 1971. Ông P chuyển về tỉnh Quảng Ngãi sinh sống được một thời gian.

Tôi và bà L đều có nghề nghiệp buôn bán, bà L bán thịt heo ở chợ H. Do có nhu cầu vay tiền xoay sở trong gia đình nên năm 2016, tôi vay của bà Trần Thị L (chồng bà L đã chết) số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/ngày/triệu, lãi trả hàng tháng.

Do không có khả năng trả nợ gốc và lãi, bà L tính gộp lãi vào nợ gốc nhiều lần. Giấy tờ vay mượn, trả tôi không còn giữ gì nên không có để nộp cho Tòa án.

Ngày 07-02-2021, bà L tính lại tiền nợ, tôi có được đối chiếu, theo đó tôi còn nợ bà L số tiền tổng cộng là 128.000.000 đồng. Tôi hẹn ngày 10-02-2021 (ÂL) trả bớt 28.000.000 đồng, nhưng do không có khả năng nên đến nay vẫn chưa trả được. Giấy mượn tiền ngày 07-02-2021 không thỏa thuận về việc tính lãi nữa.

Tiền do tôi vay của bà L, không liên quan đến ai khác. Giấy mượn tiền ngày 07-02-2021 bà L viết, chữ ký dưới người mượn là tôi ký và ghi tên. Ông P không biết tôi vay tiền, không sử dụng tiền tôi vay.

Tên tôi theo căn cước công dân là Huỳnh Thị Thu T, có lúc tôi ký và ghi tên là Huỳnh Thị T. Giấy mượn tiền ngày 07-02-2021 tôi ghi họ tên là Huỳnh Thị T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L: Tôi đề nghị bà L giảm bớt tiền nợ gốc và không tính lãi do hoàn cảnh kinh tế của tôi đang rất khó khăn, tài sản đã bán để trả nợ ngân hàng, hiện tại không còn tài sản gì. Và đề nghị bà L cho trả dần mỗi năm trả 5.000.000 đồng, trả vào ngày 30-12 hàng năm, bắt đầu từ năm 2024. Trường hợp bà L không đồng ý, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có trình bày.

Bị đơn giữ nguyên trình bày như quá trình giải quyết vụ án, thừa nhận có ký, ghi họ tên vào giấy mượn tiền ngày 26-12-2020 (ẤL). Mặc dù chỉ vay bà L số tiền 40.000.000 đồng từ năm 2016 nhưng không có khả năng trả nợ gốc và lãi, lại sợ mất uy tín nên khi bà L tính tổng số nợ là 128.000.000 đồng bà vẫn đồng ý, ký tên. Bà T không giữ bất kỳ giấy tờ nào thể hiện vay số tiền 40.000.000 đồng, các lần trả lãi cũng không giữ giấy tờ gì. Bà đồng ý trả số tiền 128.000.000 đồng nhưng xin trả dần và đề nghị bà L không tính lãi nữa.

*Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt phía nguyên đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ và trình bày của đương sự đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, buộc bà Huỳnh Thị Thu T phải trả cho bà Trần Thị L 128.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo mức 10%/năm/128.000.000 đồng tính từ ngày 22-3-2021 và lãi suất phát sinh tiếp theo theo quy định của pháp luật.

**XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Huỳnh Thị Thu T (Huỳnh Thị T) có địa chỉ tại Thôn S, xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét hợp đồng vay tài sản (bản gốc do nguyên đơn cung cấp, được bị đơn thừa nhận tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải):

Ngày 26-12-2020 (ÂL), tức ngày 07-02-2021, bà Huỳnh Thị Thu T ký vay của bà Trần Thị L số tiền 128.000.000 đồng; hẹn vào ngày 10-02-2021 (ÂL), tức ngày 22-3-2021 trả bớt 28.000.000 đồng; Mục đích vay không thể hiện, bà T trình bày vay để xoay sở công việc gia đình. Lãi suất không thỏa thuận. Đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và đã phát sinh hiệu lực thực hiện giữa các bên tham gia ký kết.

Đến hạn trả theo kỳ, bà T không trả được một phần số tiền đã cam kết do không có khả năng. Vì vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ theo định kỳ và nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 282 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của bên cho vay.

Đối với trình bày của bà T về việc bà chỉ vay bà L số tiền 40.000.000 đồng từ năm 2016, nhưng do bà L gộp gốc, lãi nhiều lần nên mới thành số tiền 128.000.000 đồng. Bà T trình bày nhưng không đưa ra được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không được bà L thừa nhận.

Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.”*

Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”*

Do bà T không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình nên Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Từ các lý do trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà T về số tiền nợ gốc 128.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đối với tiền lãi: Hợp đồng vay tài sản lập giữa hai bên không thỏa thuận lãi suất, căn cứ khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tiền lãi được tính với mức 10%/năm/nợ gốc từ ngày bà T vi phạm nghĩa vụ trả tiền, tức ngày 22-3-2021 đến ngày Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử (theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là ngày 07-12-2023), cụ thể:

$128.000.000 \times 2 \text{ năm } 8 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 34.666.700 \text{ đồng.}$

Tổng số tiền nợ gốc và lãi bà Huỳnh Thị Thu T phải trả cho bà Trần Thị L là 162.666.700 đồng, trong đó nợ gốc 128.000.000 đồng và 34.666.700 đồng tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất thừa nhận tiền bà T vay của bà L không liên quan đến ai khác. Bà T đã ly hôn với ông Phạm Văn P và trình bày là nợ riêng, tiền bà tự vay, tự trả; giấy mượn tiền chỉ có bà T ký tên, tiền do bà L đưa cho bà T. Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án đưa ông P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; không yêu cầu

ông P cùng trả nợ với bà T. Chồng bà L đã chết. Vì vậy, Tòa án không đưa thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng và xác định bà T là người phải trả tiền cho bà L.

[3]. Ngày 07-12-2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả lãi suất cho bà L với mức 10%/năm/128.000.000 đồng, tính từ ngày 10-02-2021 (ÂL) đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (*yêu cầu lãi suất theo đơn khởi kiện là 20%/năm/128.000.000 đồng, tính từ ngày 10-02-2021 (ÂL) đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử*). Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi suất số tiền 34.666.700 đồng.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Trần Thị L được chấp nhận nên bà Huỳnh Thị Thu T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 363, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với bà Huỳnh Thị Thu T.

Buộc bà Huỳnh Thị Thu T (Huỳnh Thị T) phải trả cho bà Trần Thị L số tiền 162.666.700đ (*Một trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng*), trong đó nợ gốc 128.000.000đ (*Một trăm hai mươi tám triệu đồng*) và 34.666.700đ (*Ba mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu tính lãi suất số tiền 34.666.700 đồng của bà Trần Thị L đối với bà Huỳnh Thị Thu T.

3. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị Thu T phải nộp 8.133.000đ (*Tám triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Trần Thị L 4.825.000đ (*Bốn triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001440 ngày 25 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đăk Song;
- Chi cục THADS huyện Đăk Song;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Đã ký và đóng dấu*

**Lê Thị Thu Hà**